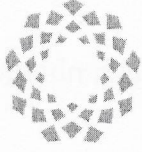


**CÔNG TY CỔ PHẦN  
HTC HOLDING  
HCT HOLDING  
JOINT STOCK COMPANY**



**CET HOLDING**

**Số/No.: 14/2023/CBTT-CET**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom – Happiness**

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023  
*Hanoi, October 18, 2023*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
DISCLOSURE OF INFORMATION**

**Kính gửi/To:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

**Công ty/Company:** Công ty Cổ phần HTC Holding/ *HTC Holding JSC*

**Mã chứng khoán/Securities Code:** CET

**Người thực hiện công bố thông tin/Submitted by:** Ông (Mr.) Dương Thành Tín

**Chức vụ/Position:** Trưởng phòng Quan hệ nhà đầu tư/*Investor Relation Manager*

**Địa chỉ/Address:** Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình,  
Thành phố Hà Nội /*No.4, 4<sup>th</sup> Floor, Daeha Building, 360 Kim Ma, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh  
District, Ha Noi.*

**Điện thoại/Telephone:** (020)3 864617

**Fax:** (028) 62 9911 88

**Loại thông tin công bố:**  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Information disclosure type:**  24 hours  Requested  Irregular  Periodic

**Nội dung công bố thông tin/Content of Information disclosure:**

Công ty Cổ phần HTC Holding (CET) công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023:

*HTC Holding Joint Stock Company (CET) announces the Financial Statement for the third  
quarter of 2023.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: <https://cetholding.vn/> mục Quan hệ Nhà đầu tư.

*This information has been published on our company's website: <https://cetholding.vn/> in Investor Relations section.*

Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/  
INFORMATION DISCLOSURE  
REPRESENTATIVE**



**ĐƯƠNG THÀNH TÍN**

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; CTCP HTC Holding (CET) xin giải trình với Quý Sở, Quý Ủy ban về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC Quý 3 năm 2023 như sau:

***Giải trình biến động so với cùng kỳ:***

*Đơn vị tính: đồng*

Loại Báo cáo tài chính ("BCTC")	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)			
	Quý 3 2023	Quý 3 2022	Chênh lệch (1) so với (2)	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)
	(1)	(2)	(3)= (1) - (2)	(4)= (3)/(2)*100
BCTC Quý 3 năm 2023	30.451.587	170.337.383	-139.885.796	-82,1%

Giải trình của công ty như sau:

- Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023: Lợi nhuận sau thuế quý 3 của công ty đạt 30,5 triệu đồng giảm 139,9 triệu đồng so với cùng kỳ, tương đương mức giảm 82,1%. Mức giảm này đến từ việc chi phí bán hàng của công ty tăng mạnh lên mức 761,5 triệu đồng trong khi công ty không ghi nhận chi phí này trong thời điểm cùng kỳ.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

**CTCP HTC HOLDING**

**NGƯỜI ĐQ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



**ĐƯƠNG THÀNH TÍN**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**  
Cho Quý III năm 2023 kết thúc ngày 30/09/2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Bảng cân đối kế toán	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	08-17



## CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính của Công ty Cho kỳ kế toán Quý III năm 2023.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần HTC Holding tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Tạ Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Ông	Nguyễn Thành Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Ông	Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Ông	Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Ông	Nguyễn Quốc Phương	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Bà	Hà Lê Thúy Vy	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Quốc Phương	Tổng giám đốc
-----	--------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Phan Thị Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Ông	Chữ Lương Huân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Bà	Vì Thùy Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Bà	Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Bà	Nguyễn Thu Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023
Ông	Trịnh Quyết Tiến	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2023



**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính ;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho kỳ kế toán Quý III năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính .

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Nguyễn Quốc Phương**

Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

MÃ SỐ	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2023	1/1/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)		26,660,589,603	10,486,596,443
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		11,277,380,362	309,801,432
111	1. Tiền	03	11,277,380,362	309,801,432
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		1,997,580,000	10,170,908,611
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	1,155,880,000	369,500,000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	275,700,000	8,415,500,000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	07	566,000,000	1,385,908,611
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		13,270,000,000	-
141	1. Hàng tồn kho		13,270,000,000	-
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		115,629,241	5,886,400
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		89,715,780	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		25,913,461	5,886,400
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)		64,600,000,000	64,600,000,000
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		-	-
221	1. TSCĐ hữu hình		-	-
222	- Nguyên giá		-	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
224	2. TSCĐ thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3. TSCĐ vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		64,600,000,000	64,600,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253A	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	04	15,600,000,000	64,600,000,000
253B	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		49,000,000,000	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		91,260,589,603	75,086,596,443





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023*  
*(tiếp theo)*

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	9/30/2023	1/1/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>		<b>23,797,003,854</b>	<b>7,857,918,113</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	08	<b>23,673,298,122</b>	<b>7,857,918,113</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		5,561,175,000	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		54,805,814	6,991,320,000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		108,276,872	315,230,612
314	4. Phải trả người lao động		105,000,000	105,000,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		761,470,976	-
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác		-	-
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		16,636,201,959	-
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	09	446,367,501	446,367,501
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>123,705,732</b>	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		123,705,732	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	09	<b>67,463,585,749</b>	<b>67,228,678,330</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>67,463,585,749</b>	<b>67,228,678,330</b>
411	1. Vốn góp chủ sở hữu		60,500,000,000	60,500,000,000
411A	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60,500,000,000	60,500,000,000
411B	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		446,367,502	446,367,502
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6,517,218,247	6,282,310,828
421A	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6,282,310,828	6,282,310,828
421B	- LNST chưa phân phối kỳ này		234,907,419	-
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>		<b>91,260,589,603</b>	<b>75,086,596,443</b>

Người lập



Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Phương Anh



Tổng Giám Đốc

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Quốc Phương*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán quý 3 năm 2023

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	16,981,008,000	18,504,650,000	53,200,708,000	56,340,650,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16,981,008,000	18,504,650,000	53,200,708,000	56,340,650,000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	15,886,000,000	18,183,900,000	51,652,600,000	55,357,900,000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-	20		1,095,008,000	320,750,000	1,548,108,000	982,750,000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	258,781	7,394	363,231	110,585
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	123,705,732		123,770,702	39,894
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		123,705,732		123,705,732	
8. Chi phí bán hàng	25		761,470,976		761,470,976	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	126,997,756	107,835,665	321,052,756	398,623,988
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		83,092,317	212,921,729	342,176,797	584,196,703
11. Thu nhập khác	31		24		24	
12. Chi phí khác	32	VI.06	15,607,102		15,607,102	8,072,859
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(15,607,078)	-	(15,607,078)	(8,072,859)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		67,485,239	212,921,729	326,569,719	576,123,844
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	37,033,652	42,584,346	91,662,300	116,847,320
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69		30,451,587	170,337,383	234,907,419	459,276,524
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.09				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10				

Người lập biểu

Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Phương Anh

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quốc Phương

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý III năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		326,569,719	576,123,844
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
03	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		-	-
04	- Các khoản dự phòng		-	-
05	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(362,386)	(110,585)
07	- Chi phí lãi vay		123,705,732	
08	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		449,913,065	576,013,259
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8,153,301,550	49,349,904,989
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(13,270,000,000)	(5,175,000,000)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(624,368,210)	5,226,308,332
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(89,715,780)	-
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(288,116,040)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(5,668,985,415)</b>	<b>49,977,226,580</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(42,000,000,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		362,386	110,585
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>362,386</b>	<b>(41,999,889,415)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		16,636,201,959	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>16,636,201,959</b>	-
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>10,967,578,930</b>	<b>7,977,337,165</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>309,801,432</b>	<b>258,140,914</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>		<b>11,277,380,362</b>	<b>8,235,478,079</b>



Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

Người lập

Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Phương Anh



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Quốc Phương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2023 Quý III năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 60.500.000.000 đồng; tương đương 6.050.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sản xuất thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
- ...

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong Kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:
- + Khi ghi nhận khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- + Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

### 2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

### 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## 2.8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 2.9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

## 2.10. Doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### ***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

### **2.11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.12. Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.13. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong Kỳ kế toán hiện hành.

Ưu đãi thuế

Theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp", Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2013 đến năm 2027) và được thực hiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Trong năm, Công ty đã thanh lý Nhà máy sản xuất tinh dầu này nên Công ty không áp dụng các ưu đãi thuế như trên, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng cho các khoản thu nhập chịu thuế là 20%.

### 2.15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	8,083,451,055	300,013,045
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,193,929,307	9,788,387
	<b>11,277,380,362</b>	<b>309,801,432</b>



#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	49,000,000,000	-	49,000,000,000	-
Công ty TNHH Thương Mại An Phát	15,600,000,000		15,600,000,000	
	<b>64,600,000,000</b>	<b>-</b>	<b>64,600,000,000</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	Lô T26, Ấp 4, Phường Lợi, Bến Lức, Long An, Việt Nam	16,33%	16,33%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty TNHH Thương Mại An Phát Holding	Tầng 6, Tòa nhà Sky City Tower A, Số 88 Láng Hạ, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	19,5%	19,5%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

#### 5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Herbalorganic Việt Nam			45,000,000	
- Công ty TNHH thương mại Đông Xuyên	831,380,000	-	-	
- Công ty chế biến nông sản Miền Tây	324,500,000		324,500,000	
	<b>1,155,880,000</b>	<b>-</b>	<b>369,500,000</b>	<b>-</b>

#### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH kiểm toán VACO	275,000,000			
- Công ty TNHH hãng kiểm toán và Định giá ASCO	700,000		37,800,000	
- Vũ Minh Cường			10,000,000	
- Công ty cổ phần GAVI			8,367,700,000	
	<b>275,700,000</b>	<b>-</b>	<b>8,415,500,000</b>	<b>-</b>

## 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	-	-	1,385,908,611	-
- <i>Ta Tiến Dũng (*)</i>	-	-	1,385,908,611	-
- Các khoản chi hộ	-	566,000,000	-	-
	-	<b>566,000,000</b>	<b>1,385,908,611</b>	-

## 8. HÀNG GỬI BÁN

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng hóa	13,270,000,000	-	-	-
	<b>13,270,000,000</b>	-	-	-

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2023	1/1/2023
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
- Các khoản khác	89,715,780	-
b) <b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>89,715,780</b>	-

## 10. TÀI SẢN KHÁC

	30/09/2023	1/1/2023
	VND	VND
- Thuế GTGT được khấu trừ	25,913,461	5,886,400
	<b>25,913,461</b>	<b>5,886,400</b>

## 11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
	5,552,900,000	5,552,900,000		
a) <b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần GAVI	5,552,900,000	5,552,900,000		
	<b>5,552,900,000</b>	<b>5,552,900,000</b>		

b) <b>Phải trả người bán khác</b>				
- Công ty v/c SXTM DV quảng cáo Huỳnh Vy	7,560,000			

- Công ty TNHH kỹ thuật số HAANH	715,000
	<b>8,275,000</b>

## 12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH thương mại Đông Xuyên	-		6,991,320,000	
- Công ty CP thương mại ĐT Tín Thương	54,805,814		-	
<b>b. Dài hạn</b>	-		-	
	<b>54,805,814</b>		<b>6,991,320,000</b>	

## 13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2023	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Ngày 30/9/2023
<b>a. Phải nộp</b>	<b>315,230,612</b>	<b>120,769,402</b>	<b>327,723,142</b>	<b>108,276,872</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	10,500,000	10,500,000	21,000,000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	304,730,612	91,662,300	288,116,040	108,276,872
- Thuế khác		3,000,000	3,000,000	-
- Phí, lệ phí và các khoản PN khác		15,607,102	15,607,102	-
<b>b. Phải thu</b>	-		-	

## 14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	60,500,000,000	446,367,502	6,282,310,828	67,228,678,330
Lãi lũy kế đến hết kỳ này	-	-	234,907,419	234,907,419
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>60,500,000,000</b>	<b>446,367,502</b>	<b>6,517,218,247</b>	<b>67,463,585,749</b>

### b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Trần Hoàng Cường	9,078,650,000	15.01%	14,500,000,000	23.97%
Lê Thị Tuyết Vân	-	0.00%	12,300,000,000	20.33%
Nguyễn Minh Thùy	-	0.00%	6,960,000,000	11.50%
Nguyễn Tấn Thọ	-	0.00%	5,278,650,000	8.73%
CTCP Đầu tư Vian Hà Nội	10,000,000,000	16.53%		
Bùi Thị Hải Yến	13,000,000,000	21.49%		
Trần Hoàng Anh Tuấn	6,960,000,000	11.50%		
Cổ đông khác	21,461,350,000	35.47%	21,461,350,000	35.47%
	<b>60,500,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>60,500,000,000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	60,500,000,000	60,500,000,000
- Vốn góp cuối kỳ	60,500,000,000	60,500,000,000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,050,000	6,050,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6,050,000	6,050,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,050,000	6,050,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,050,000	6,050,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,050,000	6,050,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10,000	10,000

**f) Các quỹ của Công ty**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
- Quỹ đầu tư phát triển	446,367,502	446,367,502
	<b>446,367,502</b>	<b>446,367,502</b>

**15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Đô la Mỹ	USD	5,014.08	63.25
- Euro	EUR	50.80	50.80

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/09/2023</b>				
Đầu tư dài hạn	-	64,600,000,000	-	64,600,000,000
	-	<b>64,600,000,000</b>	-	<b>64,600,000,000</b>

**Tại ngày 01/01/2023**

Đầu tư dài hạn	- 64,600,000,000	- 64,600,000,000
	- <b>64,600,000,000</b>	- <b>64,600,000,000</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Người lập biểu



Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Phương Anh

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023  
Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quốc Phương

